

BỘ TƯ PHÁP
Số: 01/2016/TT-BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự

*Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Kho vật chứng; Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ;
Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự như sau:*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự, bao gồm:

1. Việc đăng tải, cập nhật, bổ sung, sửa đổi, quản lý, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án trên Trang thông tin

điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp;

2. Thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính trong thi hành án dân sự, gồm: giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản kê biên, tạm giữ; thu, chi tiền thi hành án; chế độ kiểm tra và báo cáo về thi hành án dân sự;

3. Lập, sử dụng, bảo quản và lưu trữ sổ, hồ sơ thi hành án; các loại biểu mẫu nghiệp vụ; việc quản lý, sử dụng biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, người làm công tác thi hành án dân sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

Chương II

CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

Điều 3. Nguyên tắc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1. Việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành phải bảo đảm chính xác, minh bạch, đầy đủ nội dung, đúng hình thức và thời gian quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin được công khai.

3. Việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo các bản án, quyết định của Tòa án quân sự được thực hiện theo đề nghị của các cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Nội dung, hình thức công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1. Nội dung công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành gồm các thông tin cơ bản: họ, tên, địa chỉ của người phải thi hành án; số bản án, quyết định của Tòa án, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh

tranh, phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định thi hành án; nghĩa vụ chưa có điều kiện thi hành và lý do chưa có điều kiện thi hành.

2. Thông tin về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được công khai bằng hình thức đăng tải và tích hợp tại mục “*Danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành*” trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự lập danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo mẫu tại Phụ lục VII. Cục Thi hành án dân sự tổ chức đăng tải danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thuộc địa bàn quản lý trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, đồng thời gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 6. Thay đổi, chấm dứt công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

1. Trường hợp thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đã công khai có thay đổi, sai sót thì cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án phải điều chỉnh, thay đổi và công khai theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đình chỉ thi hành án hoặc có văn bản xác nhận về việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án hoặc có căn cứ xác định người phải thi hành án đã có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án dân sự phải chấm dứt việc công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự để chấm dứt tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự bằng hình thức chuyển thông tin đã công khai sang trạng thái không hiển thị.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thi hành án dân sự

1. Trách nhiệm của Tổng cục Thi hành án dân sự

- a) Tích hợp chính xác để công khai đầy đủ thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và cập nhật, bổ sung, đính chính thông tin đúng thời hạn quy định;
- b) Hướng dẫn việc công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin điện tử về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;
- c) Chỉ đạo, kiểm tra Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự trong việc triển khai thực hiện các công việc liên quan đến công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành;
- d) Phối hợp với Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án của các cơ quan thi hành án trong quân đội;
- đ) Đảm bảo kinh phí, điều kiện kỹ thuật, dung lượng đường truyền, phần mềm hỗ trợ thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành.

2. Trách nhiệm của Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng

- a) Phối hợp với Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp thực hiện việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án của các cơ quan thi hành án trong quân đội;
- b) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra Phòng Thi hành án cấp quân khu trong việc triển khai thực hiện các công việc liên quan đến công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, nơi người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án cư trú, làm việc.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và tương đương

1. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự

- a) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc lập danh sách thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đảm bảo chính xác;
- b) Công khai đầy đủ thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin điện tử và cập nhật, bổ sung, thay đổi thông tin đúng thời hạn quy định;
- c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, điều chỉnh thông tin công khai và kịp thời báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để hướng dẫn, xử lý thống nhất;

d) Bố trí đủ nguồn lực, phân công nhiệm vụ và hướng dẫn phối hợp giữa các đơn vị trong Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện các công việc liên quan đến công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Trang thông tin điện tử về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Phòng Thi hành án cấp quân khu thực hiện công khai thông tin của người phải thi hành án cư trú trên địa bàn chưa có điều kiện thi hành theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án của các cơ quan thi hành án trong quân đội.

2. Trách nhiệm của Phòng Thi hành án cấp quân khu

a) Thường xuyên tổng hợp, rà soát thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành; lập danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, báo cáo Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng và gửi Cục Thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đang cư trú, làm việc, phục vụ việc công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Cục Thi hành án dân sự, nơi người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đang cư trú, làm việc để kiểm tra, rà soát số liệu thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành đã công khai để kịp thời phát hiện những sai sót cần điều chỉnh, bổ sung, đính chính, báo cáo Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng và gửi Cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện

1. Công khai đầy đủ thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, đảm bảo kịp thời, chính xác, đầy đủ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII và gửi Cục Thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Thường xuyên rà soát, kiểm tra thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự để kịp thời phát hiện những sai sót cần điều chỉnh, bổ sung, đính chính gửi Cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Việc giải quyết khiếu nại liên quan đến công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố